

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/DS-ST.

Ngày: 03/5/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phước Thọ

Bà Lê Thị Kim Thu

- ***Thư ký phiên Tòa:*** Ông Đoàn Ngọc Sơn – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 380/2023/TLST – DS ngày 25 tháng 12 năm 2023 về “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

Ngân hàng N. (sau đây gọi là A)

Trụ sở: số B, L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc T – Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng A Chi nhánh huyện C Bến Tre.

*** Bị đơn:**

Ông Võ Quốc T1, sinh năm: 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà Trần Thị M, sinh năm: 1936 (vắng mặt)

2/ Bà Huỳnh Thị Y, sinh năm: 1978 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2023, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày:*

Vào ngày 21/3/2022, A chi nhánh huyện C, Bến Tre – P có ký Hợp đồng tín dụng số 7108-LAV-202201670 với ông Võ Quốc T1 để cho vay số tiền 1.800.000.000đ, mục đích sử dụng vốn vay: chăm sóc vườn bưởi da xanh, dứa xiêm...Thời gian vay 12 tháng, từ ngày 21/3/2022 đến ngày 21/3/2023. Lãi suất vay 7.5%/năm. Định kỳ trả gốc 1 kỳ, trả lãi theo 06 tháng/lần. Quá hạn gốc kể từ ngày 21/3/2023.

Tài sản thế chấp của khoản vay theo Hợp đồng ủy quyền tài sản số 202201670 ngày 21/3/2022/HĐUQ ngày 21/3/2022 giữa bà Trần Thị M với ông Võ Quốc T1:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: DC575662 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh B cấp ngày 24/01/2022 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 202201670/HĐTC ngày 21/3/2022 cụ thể như sau:

- Thửa đất số 111;
- Tờ bản đồ số 4;
- Diện tích 6.261,6m² (Bằng chữ: sáu ngàn hai trăm sáu mươi một phẩy sáu mét vuông)
- Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 300m² : Đất trồng cây lâu năm: 5.961,6 m²
- Thời hạn sử dụng: Đất ở tại nông thôn: lâu dài : Đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 25/4/2044.
- Nguồn gốc sử dụng đất: Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất 300m²; Công nhận QSDĐ như giao đất không có thu tiền sử dụng đất 5.961,6 m²;

Hiện tại Hợp đồng tín dụng nêu trên đã chuyển sang nợ xấu kể từ ngày 21/3/2023. Nay ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc ông Võ Quốc T1, bà Huỳnh Thị Y phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng tính đến ngày 03/5/2024 là 2.145.107.660đ. Ngân hàng được tiếp tục tính lãi theo Hợp đồng đã ký kết kể từ ngày tiếp theo (ngày 04/5/2024) cho đến khi trả xong khoản vay trên. Trường hợp ông T1, bà Y không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể là phần đất thửa số 111, tờ bản đồ số 4, diện tích 6.261,6m² tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

** Tại phiên tòa bị đơn ông Võ Quốc T1 trình bày:* Tôi có ký kết Hợp đồng tín dụng với A, tính đến thời điểm hiện tại tôi còn nợ như Ngân hàng trình bày. Tôi đang kêu bán khoản 4 công đất để trả nợ cho Ngân hàng.

** Tại Biên bản hòa giải ngày 19/3/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Y trình bày:*

Bà xác nhận có vay và hiện còn nợ như A khởi kiện. Nhưng do gia đình làm ăn thua lỗ, không có khả năng chi trả, gia đình sẽ cố gắng sắp xếp .

** Tại Biên bản hòa giải ngày 19/3/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M trình bày:*

Đất của tôi, tôi có đồng ý cho con tôi thế chấp để vay vốn Ngân hàng. Nay con tôi làm ăn thua lỗ, tôi sẽ bàn bạc để các con trả nợ giữ lại đất. Trường hợp không có khả năng chuộc, tôi sẽ giao đất cho Ngân hàng phát mãi thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M và bà Huỳnh Thị Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng bà M, bà Y đều vắng mặt không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Giữa A và ông T1, bà Y có xác lập giao dịch vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 7108-LAV-202201670 và khế ước nhận nợ số: 84020180639/01 ngày 15/10/2018. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Võ Quốc T1 và bà Huỳnh Thị Y có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A số tiền vay tính đến ngày 03/5/2024 là 2.145.107.660đ (Hai tỷ một trăm bốn mươi lăm triệu một trăm lẻ bảy nghìn sáu trăm sáu mươi đồng). Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Võ Quốc T1 và bà Huỳnh Thị Y có địa chỉ nơi cư trú thuộc xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của ngân hàng:

Hội đồng xét xử xét thấy: A khởi kiện yêu cầu ông Võ Quốc T1 và bà Huỳnh Thị Y có trách nhiệm trả cho A số tiền vay tính đến ngày 03/5/2024 là 2.145.107.660đ (Hai tỷ một trăm bốn mươi lăm triệu một trăm lẻ bảy nghìn sáu trăm sáu mươi đồng). Bị đơn ông Võ Quốc T1 và bà Huỳnh Thị Y thừa nhận có vay của A và tính đến thời điểm hiện tại, ông bà còn nợ Ngân hàng như số nợ mà Ngân hàng đã nêu. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: *“2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của A đối với ông T1, bà Y là có căn cứ nên chấp nhận.

Buộc ông Võ Quốc T1, bà Huỳnh Thị Y phải trả cho A số tiền tính đến ngày 03/5/2024 là 2.145.107.660đ (Hai tỷ một trăm bốn mươi lăm triệu một trăm lẻ bảy nghìn sáu trăm sáu mươi đồng; trong đó gồm tiền vốn 1.800.000.000đ, lãi trong hạn là 249.608.220đ, lãi quá hạn 91.824.657đ, lãi chậm trả là 3.674.783đ). Số tiền lãi quá hạn và lãi chậm trả được tiếp tục tính theo Hợp đồng tín dụng số 7108-LAV-202201670 ngày 21/3/2022 đã ký kết giữa A với ông T1, bà Y kể từ ngày 04/5/2024 cho đến khi trả nợ xong.

Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ: Xét thấy, tài sản thế chấp là thửa đất số 111, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà Trần Thị M đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ lời trình bày của bà M, Căn cứ Hợp đồng ủy quyền tài sản số 202201670 ngày 21/3/2022/HĐUQ ngày 21/3/2022 giữa bà Trần Thị M với ông Võ Quốc T1; Căn cứ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 202201670/HĐTC ngày 21/3/2022 đã ký kết giữa ông Võ Quốc T1 với A. Xét thấy, việc thế chấp phần đất trên để đảm bảo khoản vay là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký giao dịch bảo đảm đúng theo quy định, hiện tại phần đất trên do bà M và ông T1 đang quản lý sử dụng. Do đó, đối với yêu cầu của A về việc phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông T1, bà Y không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khoản vay trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận toàn bộ, nên ông T1, bà Y phải chịu án phí của số tiền có nghĩa vụ trả cho ngân hàng là 2.145.107.660đ:

$$72.000.000đ + (2\% \times 145.107.660đ) = 74.902.000đ$$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244; Điều 254 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với ông Võ Quốc T1, bà Huỳnh Thị Y về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

2. Buộc ông Võ Quốc T1, bà Huỳnh Thị Y có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng N (do chi nhánh huyện C nhận thay) số tiền vốn và lãi tính đến ngày 03/5/2024 là 2.145.107.660đ (Hai tỷ một trăm bốn mươi lăm triệu một trăm lẻ bảy nghìn sáu trăm sáu mươi đồng). Số tiền lãi quá hạn và lãi chậm trả được tiếp tục tính theo Hợp đồng tín dụng số 7108-LAV-202201670 ngày 21/3/2022 đã ký kết giữa A với ông T1, bà Y kể từ ngày 04/5/2024 cho đến khi tất toán xong khoản vay trên.

Trường hợp ông T1, bà Y không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả số tiền trên thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 202201670/HĐTC ngày 21/3/2022 đã ký kết giữa ông Võ Quốc T1 với A để thu hồi nợ.

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Võ Quốc T1, bà Huỳnh Thị Y phải chịu án phí 74.902.000đ (Bảy mươi bốn triệu chín trăm lẻ hai nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng N (do chi nhánh huyện C nhận thay) toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.045.000đ (ba mươi sáu triệu lẻ bốn mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001753 ngày 19/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngân hàng N, ông Võ Quốc T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị M, bà Huỳnh Thị Y vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Nguyễn Trọng Hiếu